

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 38



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tư vấn Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty điều hành Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 gồm:

**Hội đồng thành viên**

Bà Nguyễn Thị Duyên	Chủ tịch
Ông Đặng Kim Khôi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Thành viên
Ông Trần Bình Trọng	Thành viên – Bổ nhiệm tháng 11 năm 2014
Ông Thân Hồng Linh	Thành viên – Bổ nhiệm tháng 11 năm 2014

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đặng Kim Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lâm Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thân Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Khanh	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Kim Khôi**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Số: 265 /2015/UHY ACA - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10/3/2015, từ trang 04 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại thuyết minh V.7, trong năm 2014 Tổng Công ty ghi nhận tăng tài sản cố định có nguyên giá là 11.856.000.000 đồng. Tài sản này nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng – CCBM có diện tích 494m2 mặt sàn tầng 4 tòa nhà VG Building. Nguyên nhân là do Công ty CP tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng -CCBM không có khả năng thanh toán cho khoản vay bao gồm cả gốc và lãi phải trả cho Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam tính đến thời điểm 31/12/2014 là 11.962.491.668 đồng. Tuy nhiên tại thời điểm kiểm toán Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của tài sản cố định cũng như quyền sở hữu của Tổng Công ty đối với tài sản này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



\_\_\_\_\_  
**Chu Quang Tùng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1022-2014-112-1

\_\_\_\_\_  
**Trịnh Quốc Huy**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2328-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA**

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>294.288.332.236</b>	<b>289.090.365.829</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	25.319.472.200	25.595.075.616
111	Tiền		24.068.859.200	20.844.941.441
112	Các khoản tương đương tiền		1.250.613.000	4.750.134.175
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	193.089.115.000	189.959.181.476
121	Đầu tư ngắn hạn		193.089.115.000	189.959.181.476
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		27.758.438.361	26.406.212.192
131	Phải thu khách hàng		24.312.174.156	25.098.554.878
132	Trả trước cho người bán		278.180.761	687.915.782
135	Các khoản phải thu khác	V.3	4.243.570.776	6.671.441.630
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.075.487.332)	(6.051.700.098)
140	Hàng tồn kho	V.5	37.953.450.385	44.957.716.787
141	Hàng tồn kho		37.953.450.385	44.957.716.787
150	Tài sản ngắn hạn khác		10.167.856.290	2.172.179.758
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	278.699.883
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	V.6	6.956.475.371	233.282.244
158	Tài sản ngắn hạn khác		3.211.380.919	1.660.197.631
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>115.006.964.325</b>	<b>113.459.641.454</b>
220	Tài sản cố định		17.663.962.174	6.543.376.494
221	Tài sản cố định hữu hình	V.7	17.173.131.004	5.110.876.080
222	Nguyên giá		29.110.708.617	16.238.186.486
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.937.577.613)	(11.127.310.406)
227	Tài sản cố định vô hình	V.8	490.831.170	1.432.500.414
228	Nguyên giá		4.708.346.220	4.708.346.220
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.217.515.050)	(3.275.845.806)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		96.398.712.253	105.981.542.768
251	Đầu tư vào công ty con	V.9	63.633.303.293	75.039.459.708
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.10	11.220.000.000	-
258	Đầu tư dài hạn khác	V.11	21.545.408.960	33.357.748.960
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	V.12	-	(2.415.665.900)
260	Tài sản dài hạn khác		944.289.898	934.722.192
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.13	700.904.898	674.665.392
268	Tài sản dài hạn khác	V.14	243.385.000	260.056.800
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>409.295.296.561</b>	<b>402.550.007.283</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>145.305.503.516</b>	<b>129.886.881.678</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>142.423.880.957</b>	<b>126.440.640.345</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	V.15	-	2.600.000.000
312	Phải trả người bán		3.328.607.100	2.111.112.312
313	Người mua trả tiền trước		39.469.031.065	48.059.682.537
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	3.642.038.619	4.436.664.075
315	Phải trả người lao động		20.710.777.777	19.103.597.116
316	Chi phí phải trả	V.17	2.266.417.970	1.683.291.180
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.18	23.482.793.274	19.489.061.313
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		49.524.215.152	28.957.231.812
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>2.881.622.559</b>	<b>3.446.241.333</b>
332	Phải trả dài hạn nội bộ	V.19	2.881.622.559	3.446.241.333
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>263.989.793.045</b>	<b>272.663.125.605</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.20</b>	<b>263.989.793.045</b>	<b>272.663.125.605</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		234.890.826.464	88.059.895.644
413	Vốn khác của chủ sở hữu		-	53.715.502.901
417	Quỹ đầu tư phát triển		14.988.207.774	18.933.790.097
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	17.768.796.443
422	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		14.110.758.807	94.185.140.520
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>409.295.296.561</b>	<b>402.550.007.283</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngoại tệ các loại USD		98.286,02	63.020,10



**Đặng Kim Khôi**  
Tổng Giám đốc

**Phạm Vũ Thành**  
Phó phòng TCKT

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
Người lập

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		174.322.557.806	157.735.942.229
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		519.079.091	5.909.091
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	VI.1	173.803.478.715	157.730.033.138
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	148.946.321.757	133.318.149.862
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		24.857.156.958	24.411.883.276
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	24.779.090.199	30.509.023.079
22	Chi phí tài chính	VI.4	(2.224.159.900)	2.010.199.406
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	64.093.401
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		19.377.098.578	22.125.633.977
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		32.483.308.479	30.785.072.972
31	Thu nhập khác	VI.5	644.703.379	1.883.333.385
32	Chi phí khác	VI.6	124.638.834	444.001.410
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		520.064.545	1.439.331.975
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		33.003.373.024	32.224.404.947
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.7	5.731.143.749	5.870.431.776
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		27.272.229.275	26.353.973.171



**Đặng Kim Khôi**  
Tổng Giám đốc

**Phạm Vũ Thành**  
Phó phòng TCKT

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
Người lập

Ngày 10 tháng 3 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	184.390.986.323	154.016.720.590
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(81.517.841.148)	(57.054.431.128)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(73.979.423.627)	(67.641.420.943)
04	Tiền chi trả lãi vay	-	(19.082.155)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.377.974.302)	(6.747.012.279)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	39.429.764.031	108.823.829.497
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(78.324.953.414)	(151.959.598.756)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(16.379.442.137)</b>	<b>(20.580.995.174)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(834.927.273)	(236.950.001)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	194.843.273	170.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(287.349.115.000)	(247.386.181.476)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	284.187.085.173	162.423.181.476
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	620.834.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24.585.920.518	30.198.565.679
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>21.404.640.691</b>	<b>(54.831.384.322)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	1.698.609.607	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	250.000.000	2.400.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.050.000.000)	(2.700.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(6.253.201.329)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(5.354.591.722)</b>	<b>(300.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(329.393.168)</b>	<b>(75.712.379.496)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>25.595.075.616</b>	<b>101.307.455.112</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	53.789.752	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>25.319.472.200</b>	<b>25.595.075.616</b>



**Đặng Kim Khôi**  
Tổng Giám đốc

**Phạm Vũ Thành**  
Phó phòng TCKT

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
Người lập

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam là Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần 1 ngày 24 tháng 03 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 là 310.000.000.000 đồng. Theo Quyết định số 1292/QĐ-BXD ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam thì Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 234.890.826.464 đồng.

Trong năm 2014, Tổng Công ty tư vấn xây dựng Việt Nam thực hiện việc cổ phần hóa theo tinh thần của Chính phủ về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Do đó, Bộ xây dựng đã ra quyết định số 1101/BXD-QLDN ngày 29/05/2014 về việc kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng, trong đó có Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty Tư vấn và Xây dựng Việt Nam là ngày 31/12/2014.

Chủ sở hữu: Bộ Xây dựng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác bao gồm các dịch vụ;
- Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng;
- Thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;
- Lập và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
- Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
- Lập định mức xây dựng, lập đơn giá xây dựng công trình;
- Kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng: Tổng mức đầu tư, dự toán công trình, định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình, hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Tư vấn đấu thầu;
- Quản lý dự án xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị;
- Kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc móng công trình và vật liệu xây dựng;
- Khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc; đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún; đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Đánh giá tác động môi trường, điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng;
- Tư vấn thiết kế đường dây và trạm biến áp 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển tòa nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường không khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét; hệ thống gas;
- Tư vấn thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ;
- Tư vấn thiết kế chống mối cho các công trình xây dựng;
- Thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; xử lý nước thải, chất rắn;
- Tư vấn xây dựng các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000;
- Thiết kế trang trí nội, ngoại thất;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

- Thi công xây dựng lắp công trình; xử lý nền móng các công trình; thi công khai thác nước ngầm; thi công trang trí nội, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng;
- Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch và kiến trúc xây dựng.

Tổng Công ty có trụ sở chính và các chi nhánh tại các địa điểm sau:

Trụ sở/ Chi nhánh

Địa điểm

Trụ sở chính

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,  
Thành Phố Hà Nội

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh  
Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt  
Nam – Trung tâm tư vấn Xây dựng  
VNCC

21 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố  
Hồ Chí Minh

Chi nhánh Tổng công ty tư Xây dựng  
Việt Nam

157/16 Đường D2, Khu Văn Thánh Bắc, Phường 25,  
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 02/2015 Tổng Công ty chuyển tạm thời sang địa chỉ mới: Tầng 6-7, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội để xây dựng trụ sở làm việc.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 là 499 người (năm 2013: 508 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

**3. Hướng dẫn kế toán mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư số 244/2009/TT-BTC. Thông tư 200 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Các ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:***

**Mức trích lập dự phòng**

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

***Nợ phải thu khác:***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên giá***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03
Thiết bị văn phòng	02
Phương tiện vận tải	03

**5. Tài sản cố định vô hình**

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được Nhà nước cấp hoặc được tặng, biếu, được xác định theo giá trị hợp lý ban đầu cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình nhận về hoặc bằng với giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đem trao đổi

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tổng Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau: (i) Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán; (ii) Tổng Công ty dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán; (iii) Tổng Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó; (iv) Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai; (v) Tổng Công ty có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó; (vi) Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó; và (vii) Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho Tài sản cố định vô hình.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy tính

Số năm  
5

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào các công ty con***

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Đầu tư vào các công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Đầu tư vào liên doanh***

Phần vốn góp của Tổng Công ty trong cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Tổng Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Phần vốn góp của Tổng Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Tài sản do Tổng Công ty kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà Tổng Công ty phải gánh chịu; (ii) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Phần vốn góp của Tổng Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các Báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản; (ii) Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Tổng Công ty; (iii) Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác; (iv) Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh; (v) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

***Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác***

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Tổng Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty.

**8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được; những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh, nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**10. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Theo thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014, hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa không phải thực hiện trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; không phải trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định.

**11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**12. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Tổng Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**13. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**14. Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	7.914.274.307	9.266.141.691
Tiền gửi ngân hàng	16.154.584.893	11.578.799.750
Các khoản tương đương tiền (*)	1.250.613.000	4.750.134.175
<b>Cộng</b>	<b><u>25.319.472.200</u></b>	<b><u>25.595.075.616</u></b>

(\*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm dưới 03 tháng.

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng	193.089.115.000	189.959.181.476
<b>Cộng</b>	<b><u>193.089.115.000</u></b>	<b><u>189.959.181.476</u></b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.917.035.508	2.247.735.508
Phải thu về thuế TNCN	1.894.167.876	1.674.824.836
Phải thu về Bảo hiểm xã hội	30.797.039	26.799.518
Phải thu khác	401.570.353	2.722.081.768
<b>Cộng</b>	<b><u>4.243.570.776</u></b>	<b><u>6.671.441.630</u></b>

**4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Năm nay</u>
Số dư đầu năm	6.051.700.098
Tăng dự phòng	-
Hoàn nhập	(4.976.212.766)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>1.075.487.332</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí SX, KD dở dang	37.953.450.385	44.957.716.787
<b>Cộng</b>	<b>37.953.450.385</b>	<b>44.957.716.787</b>

**6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	687.101.948	-
Thuế đất	16.172.094	233.282.244
Lợi nhuận còn lại nộp thừa vào NSNN (*)	6.253.201.329	-
<b>Cộng</b>	<b>6.956.475.371</b>	<b>233.282.244</b>

(\*) Tháng 12 năm 2014 Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam có quyết định xếp hạng doanh nghiệp hạng A do đó đơn vị không phải nộp khoản lợi nhuận còn lại vào Quỹ Hỗ trợ sắp xếp theo quy định nên khoản: 6.253.201.329 đồng đã nộp vào NSNN năm 2014 là khoản nộp thừa vào NSNN.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	7.029.114.131	2.753.073.336	4.263.065.053	2.192.933.966	16.238.186.486
Mua trong năm	-	-	834.927.273	37.800.000	872.727.273
Nhận tài sản từ Công ty CCBM, bù trừ với khoản vay dài hạn trên 228	11.856.000.000	-	-	-	11.856.000.000
Tặng do nhận bán giao tài sản không cần dùng trong quá trình cổ phần hóa Công ty Incosaf và Công ty Usco.	606.883.506	1.770.226.924	-	-	2.377.110.430
Thanh lý, nhượng bán	-	(146.504.272)	(875.361.300)	(1.211.450.000)	(2.233.315.572)
Số dư cuối năm	19.491.997.637	4.376.795.988	4.222.631.026	1.019.283.966	29.110.708.617
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.270.358.506	1.905.924.060	3.387.703.753	981.483.966	7.545.470.285
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	2.771.750.594	1.902.207.883	4.263.065.053	2.190.286.876	11.127.310.406
Khấu hao trong năm	257.529.777	509.328.885	82.623.011	2.647.091	852.128.764
Tặng do nhận bán giao tài sản không cần dùng trong quá trình cổ phần hóa Công ty Incosaf và Công ty Usco.	606.883.506	1.584.570.509	-	-	2.191.454.015
Thanh lý, nhượng bán	-	(146.504.272)	(875.361.300)	(1.211.450.000)	(2.233.315.572)
Số dư cuối năm	3.636.163.877	3.849.603.005	3.470.326.764	981.483.967	11.937.577.613
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	4.257.363.537	850.865.453	-	2.647.090	5.110.876.080
Tại ngày cuối năm	15.855.833.760	527.192.983	752.304.262	37.799.999	17.173.131.004

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**8. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	4.708.346.220	4.708.346.220
Số dư cuối năm	4.708.346.220	4.708.346.220
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	3.275.845.806	3.275.845.806
Khấu hao trong năm	941.669.244	941.669.244
Số dư cuối năm	4.217.515.050	4.217.515.050
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	1.432.500.414	1.432.500.414
Tại ngày cuối năm	490.831.170	490.831.170

**9. Đầu tư vào công ty con**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng – CCBM	683.410	6.834.102.000	683.410	6.834.102.000
CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC	448.800	2.499.000.000	448.800	2.499.000.000
CTCP tin học và Tư vấn xây dựng – CIC	330.700	3.307.000.000	330.750	3.307.500.000
CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định Xây dựng – CONINCO (*)	-	-	1.122.000	11.220.000.000
CTCP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – NAGECCO	1.377.000	13.770.000.000	1.377.000	13.770.000.000
CTCP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam – VCC	918.000	9.180.000.000	918.000	9.180.000.000
CTCP Tư vấn Nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	1.060.500	10.605.000.000	1.060.500	10.605.000.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng – INCOSAF (**)	-	4.799.984.268	-	4.985.640.683
Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng – USCO	-	12.638.217.025	-	12.638.217.025
<b>Cộng</b>	<b>4.818.410</b>	<b>63.633.303.293</b>	<b>5.940.460</b>	<b>75.039.459.708</b>

(\*) Công ty CP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định Xây dựng – CONINCO tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu, Tổng Công ty không mua thêm cổ phiếu do đó tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2014 là 25,5%.

(\*\*) Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật, An toàn Và Tư vấn Xây dựng – INCOSAF trả lại Tài sản với giá trị còn lại: 185.656.415 đồng cho VNCC theo chủ trương của Bộ Xây dựng do đó làm giảm vốn góp của VNCC vào INCOSAF: 185.656.415 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**9.1. Thuyết minh bổ sung về các công ty con**

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ phần biểu quyết (%)</b>
<b>Đầu tư trực tiếp</b>			
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng – CCBM	Số 235, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	51%	51%
CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC	Số 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	51%	51%
CTCP Tin học và Tư vấn xây dựng – CIC	Số 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	67.5%	67.5%
CTCP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - NAGECCO	Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Hồ Chí Minh	51%	51%
CTCP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	Số 10, Hoa Lư, Hai Bà Trưng, Hà Nội	51%	51%
CTCP Nước và môi trường Việt Nam - WIWASE	Số 5, Đường Thành, Hoàn Kiếm, Hà Nội	50,5%	50,5%
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng - INCOSAF	Số 4, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	Số 91 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100%	100%
<b>Đầu tư gián tiếp</b>			
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Thiết kế Xây dựng Miền Nam	67/46L Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	51%	51%

**10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	11.220.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.220.000.000</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**10.1. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định Xây dựng – CONINCO (*)	1.122.000	11.220.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.122.000</b>	<b>11.220.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Trước thời điểm 23/12/2014, Công ty CP Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng – CONINCO là công ty con của Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam. Tại ngày 23/12/2014, Công ty CP Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng – CONINCO đã tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106169 thay đổi lần 05 ngày 23/12/2014. Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam không mua thêm cổ phiếu, do đó tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2014 là 25,5%.

**10.2. Thuyết minh bổ sung về các công ty liên kết**

	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định Xây dựng - CONINCO	25,5	25,5

**11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác (V.11.1)	21.545.408.960	21.545.408.960
Cho vay dài hạn	-	11.000.000.000
Đầu tư cổ phiếu (V.11.2)	-	812.340.000
<b>Cộng</b>	<b>21.545.408.960</b>	<b>33.357.748.960</b>

**11.1. Đầu tư dài hạn khác**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Địa Ốc Tân Cảng	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty CP Bất động sản LILAMALAND	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương	545.408.960	545.408.960
<b>Cộng</b>	<b>21.545.408.960</b>	<b>21.545.408.960</b>

**11.2. Đầu tư cổ phiếu**

	Mã cổ phiếu	Cuối năm		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	SHB	-	-	57.489	812.340.000
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>57.489</b>	<b>812.340.000</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Năm nay</u>
Số dư đầu năm	2.415.665.900
Tăng dự phòng	-
Hoàn nhập	(2.415.665.900)
Số dư cuối năm	<u>-</u>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	700.904.898	674.665.392
<b>Cộng</b>	<b><u>700.904.898</u></b>	<b><u>674.665.392</u></b>

14. Tài sản dài hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	243.385.000	260.056.800
<b>Cộng</b>	<b><u>243.385.000</u></b>	<b><u>260.056.800</u></b>

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân	-	2.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.600.000.000</u></b>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.122.497.892	2.157.245.135
Thuế thu nhập doanh nghiệp	825.084.282	1.439.807.199
Thuế thu nhập cá nhân	1.694.456.445	839.611.741
<b>Cộng</b>	<b><u>3.642.038.619</u></b>	<b><u>4.436.664.075</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**17. Chi phí phải trả**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí dự án trích trước theo doanh thu hợp đồng tư vấn	2.088.983.904	1.554.511.041
Chi phí bảo hiểm công trình	177.434.066	128.780.139
<b>Cộng</b>	<b><u>2.266.417.970</u></b>	<b><u>1.683.291.180</u></b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	51.490.934	55.567.451
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.431.302.340	19.433.493.862
<b>Cộng</b>	<b><u>23.482.793.274</u></b>	<b><u>19.489.061.313</u></b>

(\*) Chi phí tiền lương, chi phí photô tài liệu... do các chủ trì từng dự án ứng tiền ra trả hộ Tổng Công ty.

**19. Phải trả dài hạn nội bộ**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải trả các hợp đồng do các văn phòng trực thuộc đã thực hiện trong các năm trước	2.881.622.559	3.446.241.333
<b>Cộng</b>	<b><u>2.881.622.559</u></b>	<b><u>3.446.241.333</u></b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**20. Vốn chủ sở hữu**

**20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn ĐTXD cơ bản	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>								
Số dư đầu năm	88.059.895.644	46.348.348.003	3.797.147.482	12.753.723.582	23.829.190.327	58.229.337	85.592.058.174	260.438.592.549
Lãi trong năm	-	-	-	-	26.353.973.171	-	-	26.353.973.171
Tăng do phân phối lợi nhuận	-	11.808.925.561	-	-	-	-	-	14.191.844.594
Tăng khác	-	58.229.337	15.136.642.615	2.382.919.033	7.905.618	-	-	15.202.777.570
Trả về quỹ hỗ trợ sắp xếp	-	-	-	-	-	-	8.593.082.346	8.593.082.346
Doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	(23.829.190.327)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(23.829.190.327)	-	-	(8.593.082.346)
Trả về quỹ hỗ trợ sắp xếp	-	-	-	-	(8.593.082.346)	-	-	(19.694.871.952)
Doanh nghiệp	-	(4.500.000.000)	-	-	-	(58.229.337)	-	272.663.125.605
Giảm khác	-	53.715.502.901	18.933.790.097	(15.136.642.615)	17.768.796.443	-	94.185.140.520	
Số dư cuối năm	88.059.895.644	53.715.502.901	18.933.790.097					
<b>NĂM NAY</b>								
Số dư đầu năm	88.059.895.644	53.715.502.901	18.933.790.097	-	17.768.796.443	-	94.185.140.520	272.663.125.605
Lãi trong năm	-	-	-	-	27.272.229.275	-	-	27.272.229.275
Trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-	(3.819.066.854)	-	3.819.066.854	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	3.578.287.422	-	(41.221.958.864)	-	-	(37.643.671.442)
Chuyển nguồn HT quý HTSX theo VB 4503/MPCP -KTTH ngày 18/06/2014	85.592.058.174	-	-	-	-	-	(85.592.058.174)	-
Chuyển nguồn bổ sung Vốn CSH	61.238.872.646	(53.715.502.901)	(7.523.369.745)	-	-	-	-	-
Thu từ Cổ phần hóa Công ty INCOSAF	-	-	-	-	-	-	1.698.609.607	1.698.609.607
Tăng khác	500.000	-	-	-	-	-	-	500.000
Giảm khác	(500.000)	-	(500.000)	-	-	-	-	(1.000.000)
Số dư cuối năm	234.890.826.464	-	14.988.207.774	-	-	-	14.110.758.807	263.989.793.045

(\*) Theo Quyết định phân phối lợi nhuận năm 2013 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	174.322.557.806	157.735.942.229
Doanh thu cung cấp dịch vụ	174.322.557.806	157.735.942.229
Các khoản giảm trừ	519.079.091	5.909.091
Hàng bán bị trả lại	519.079.091	5.909.091
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>173.803.478.715</b>	<b>157.730.033.138</b>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	148.946.321.757	133.318.149.862
<b>Cộng</b>	<b>148.946.321.757</b>	<b>133.318.149.862</b>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.505.338.485	19.256.388.050
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.064.759.609	10.983.065.137
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	53.789.752	6.303.237
Bán quyền mua Cổ phiếu	1.914.132.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	241.070.353	263.266.655
<b>Cộng</b>	<b>24.779.090.199</b>	<b>30.509.023.079</b>

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	-	64.093.401
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.224.159.900)	1.946.106.005
<b>Cộng</b>	<b>(2.224.159.900)</b>	<b>2.010.199.406</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**5. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý TSCĐ, CCDC	328.479.637	168.318.182
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	209.169.256	1.458.841.067
Thu từ thi phương án thiết kế	60.000.000	159.500.000
Thu khác	47.054.486	96.674.136
<b>Cộng</b>	<b>644.703.379</b>	<b>1.883.333.385</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản	-	56.816.583
Chi phí thẩm định giá TSCĐ thanh lý	4.090.909	7.272.727
Chi phí sáng tác phương án Thiết kế	56.656.905	197.658.182
Chi phí phạt thuế	48.096.785	181.590.043
Chi phí khác	15.794.235	663.875
<b>Cộng</b>	<b>124.638.834</b>	<b>444.001.410</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**7.1. Thuế suất**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Tổng Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

**7.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>33.003.373.024</b>	<b>32.224.404.947</b>
<b>Điều chỉnh tăng</b>	<b>49.994.533</b>	<b>2.240.387.294</b>
Các khoản chi phí không được trừ	49.994.533	2.240.387.294
<b>Điều chỉnh giảm</b>	<b>7.064.759.609</b>	<b>10.983.065.137</b>
Thu nhập từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết	7.064.759.609	10.983.065.137
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>25.988.607.948</b>	<b>23.481.727.104</b>
Thuế suất	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.717.493.749</b>	<b>5.870.431.776</b>
Thuế Thu nhập (Hóa đơn doanh nghiệp thay đổi địa điểm kinh doanh)	13.650.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.731.143.749</b>	<b>5.870.431.776</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.731.125.327	14.809.969.678
Chi phí nhân công	65.266.639.759	59.499.257.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.985.252.023	2.160.818.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.549.373.097	2.453.519.119
Chi phí khác bằng tiền	78.135.981.288	45.471.840.437
<b>Cộng</b>	<b><u>168.668.371.494</u></b>	<b><u>124.395.405.160</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Các giao dịch về đầu tư và tài chính không trực tiếp sử dụng tiền**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	11.856.000.000	-
Các khoản tăng giảm Tài sản dài hạn hoặc Vốn chủ sở hữu/Vay mà không trực tiếp bằng tiền	185.156.415	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Thông tin về các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tiền cổ tức được chia</b>		
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO	1.409.232.000	1.494.504.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam – CDC	540.773.894	578.072.985
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – NAGECCO	1.652.400.000	1.652.400.000
Công ty CP Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương – Apeco	280.224.000	400.050.000
Công ty CP Tin học và Tư vấn xây dựng – CIC	330.700.000	330.640.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và đô thị Việt Nam – VCC	1.130.134.227	1.109.853.014
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	848.400.000	2.969.400.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – INCOSAF	447.851.238	531.109.630
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	-	1.917.035.508
SHB	44.250	-
Công ty CP LILAMALAND	650.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.289.759.609</b>	<b>10.983.065.137</b>

	Giá trị ghi sổ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thủ lao người đại diện</b>		
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO	48.000.000	39.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam – CDC	22.500.000	27.500.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – NAGECCO	38.400.000	38.400.000
Công ty CP Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương – Apeco	-	-
Công ty CP Tin học và Tư vấn xây dựng – CIC	24.000.000	18.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và đô thị Việt Nam – VCC	24.000.000	24.000.000
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	24.000.000	24.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	20.400.000	20.400.000
Công ty CP Tân Cảng	25.200.000	25.200.000
Công ty CP LILAMALAND	46.666.656	47.166.655
<b>Cộng</b>	<b>273.166.656</b>	<b>263.666.655</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

	Giá trị ghi sổ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO	1.421.232.000	1.533.504.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam – CDC	540.773.894	578.072.985
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – NAGECCO	38.400.000	-
Công ty CP Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương – Apeco	280.224.000	400.050.000
Công ty CP Tin học và Tư vấn xây dựng – CIC	354.700.000	348.640.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và đô thị Việt Nam – VCC	1.130.134.227	1.113.453.014
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	848.400.000	1.910.900.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – INCOSAF	-	531.109.630
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	-	1.917.035.508
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	732.641.668	438.400.000
Công ty CP Tân Cảng	18.900.000	25.200.000
Công ty CP LILAMALAND	661.666.664	15.666.655
<b>Cộng</b>	<b>6.027.072.453</b>	<b>8.812.031.792</b>

	Giá trị ghi sổ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		
Công ty CP Tin học và Tư vấn xây dựng – CIC	500.000	-
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – INCOSAF	185.656.415	-
<b>Cộng</b>	<b>186.156.415</b>	<b>-</b>

**Số dư với các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO	12.000.000	39.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – NAGECCO	38.400.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	257.230.668	568.739.000
Công ty CP Tin học và Tư vấn xây dựng – CIC	24.000.000	348.700.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và đô thị Việt Nam – VCC	-	4.000.000
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	-	2.000.000
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	1.917.035.508	1.917.035.508
Công ty Tân Cảng	18.900.000	31.500.000
Công ty LILAMALAND	11.666.664	15.666.655
<b>Cộng</b>	<b>2.279.232.840</b>	<b>2.926.641.163</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO	750.000.000	750.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam – CDC	750.000.000	750.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp – NAGECCO	750.000.000	750.000.000
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	750.000.000	750.000.000
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	750.000.000	750.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	750.000.000	750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>
<b>Khoản vay</b>		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	-	11.000.000.000
	-	11.000.000.000
<b>Giao dịch thuê thầu phụ</b>		
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – INCOSAF	4.000.000	-
Công ty CP nước và Môi trường Việt Nam – VIWASE	1.006.875.000	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam – CDC	970.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.981.125.000</b>	<b>-</b>
<b>Tiền lãi cho vay</b>		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	712.241.668	667.800.000
<b>Cộng</b>	<b>712.241.668</b>	<b>667.800.000</b>
<b>Tiền thu từ bán quyền mua CP</b>		
Công ty CP Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO	1.914.132.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.914.132.000</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

	Giá trị ghi sổ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tiền thu từ bán CP Nhà nước</b>		
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – INCOSAF	1.698.609.607	-
<b>Cộng</b>	<b>1.698.609.607</b>	<b>-</b>

	Giá trị ghi sổ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Giao dịch tài sản</b>		
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	11.856.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng – INCOSAF	1.360.060.216	-
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Khảo sát và Xây dựng USCO	1.017.050.214	-
<b>Cộng</b>	<b>14.233.110.430</b>	<b>-</b>

Trong đó: Giá trị còn lại của TS của INCOSAF = 185.656.415 đồng, Giá trị còn lại TS của USCO = 0 đồng. TS của CCBM tăng do bù trừ khoản vay và lãi vay.

**2. Thu nhập của các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc**

	Năm nay	Năm trước
Lương và thù lao	4.273.880.796	4.474.976.841

**3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.319.472.200	25.595.075.616
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.555.744.932	31.769.996.508
Đầu tư ngắn hạn	193.089.115.000	189.959.181.476
Đầu tư dài hạn	21.545.408.960	30.942.083.060
Tài sản tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>268.509.741.092</b>	<b>278.266.336.660</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	-	2.600.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	26.811.400.374	21.600.173.625
Chi phí phải trả	2.266.417.970	1.683.291.180
<b>Cộng</b>	<b>29.077.818.344</b>	<b>25.883.464.805</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**3.2. Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**3.3.1. Quản lý rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Tổng Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>Tài sản</b>		
Gốc bằng USD	850.545.536	96.696.455
<b>Nợ phải trả</b>	-	-

**3.3.2. Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**3.3.3. Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**3.3.4 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.5 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	26.811.400.251	-	26.811.400.251
Chi phí phải trả	2.266.417.970	-	2.266.417.970
<b>Cộng</b>	<b>29.077.818.221</b>	<b>-</b>	<b>29.077.818.221</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Các khoản vay	2.600.000.000	-	2.600.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	21.600.173.625	-	21.600.173.625
Chi phí phải trả	1.683.291.180	-	1.683.291.180
<b>Cộng</b>	<b>25.883.464.805</b>	<b>-</b>	<b>25.883.464.805</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.319.472.200	-	25.319.472.200
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.555.744.932	-	28.555.744.932
Đầu tư ngắn hạn	193.089.115.000	-	193.089.115.000
Đầu tư dài hạn	-	21.545.408.960	21.545.408.960
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>246.964.332.132</b>	<b>21.545.408.960</b>	<b>268.509.741.092</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.595.075.616	-	25.595.075.616
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.769.996.508	-	31.769.996.508
Đầu tư ngắn hạn	189.959.181.476	-	189.959.181.476
Đầu tư dài hạn	-	30.942.083.060	30.942.083.060
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>247.324.253.600</b>	<b>30.942.083.060</b>	<b>278.266.336.660</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**4. Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế (IFC).



**Đặng Kim Khôi**  
Tổng Giám đốc

**Phạm Vũ Thành**  
Phó phòng TCKT

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
Người lập

Ngày 10 tháng 3 năm 2015